TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 16/02/2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 17/2023/QĐ-TĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Nhị; chức vụ: Giám đốc- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Quốc Thành; chức vụ: Phó Giám đốc- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh (Văn bản ủy quyền số 78/UQ-NHCS ngày 06/10/2020).

Địa chỉ: Số 558, đường CMT8, khu phố 1, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, tổ C, thôn D, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Phan Quốc P, sinh năm 1980; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, tổ C, thôn D, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, người được ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Đặng Quốc Thành trình bày: Vào ngày 26/10/2016, ngân hàng Chính sách Xã hội- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh có ký kết hợp đồng cho vay đối với bà Trần Thị T, theo khế ước vay tiền số 6600000708812664, với số tiền vay là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất vay là 9%/năm (0,75%/tháng). Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/10/2021. Số tiền vay trên định kỳ trả gốc 06 tháng/lần, mỗi kỳ trả tiền gốc là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), thời điểm bắt đầu trả gốc là ngày 26/10/2017, trả lãi theo hàng tháng. Sau đó bà T có đơn xin gia hạn nợ nên hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/10/2022. Từ ngày vay đến nay bà Trần Thị T không thực hiện đúng trả tiền lãi theo quy định và bà T mới chỉ trả được 5.110.733 đồng tiền lãi, còn tiền nợ gốc chỉ trả được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tiếp đến vào ngày 27/9/2018, bà Trần Thị T vay thêm số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), theo khế ước vay tiền số 6600000713771166, theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất vay là 9%/năm (0,75%/tháng). Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/9/2023. Số tiền vay trên được phân thành 05 kỳ trả nợ (05 năm), mỗi kỳ trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền gốc, thời điểm bắt đầu trả gốc là ngày 13/9/2019. Trả lãi theo hàng tháng. Từ ngày vay đến nay bà T không thực hiện đúng việc trả tiền gốc và trả tiền lãi theo quy định. Bà T mới chỉ trả được 10.413.226 đồng tiền lãi, còn tiền nợ gốc vẫn chưa trả.

Ông Thành yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T và chồng là ông Phan Quốc P phải liên đới trả cho ngân hàng các khoản nợ trên như sau:

- Số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 30/12/2022 là 436.267 đồng (Có bảng tính lãi kèm theo).

- Số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 30/12/2022 là 5.146.774 đồng (Có bảng tính lãi kèm theo).

Tại phiên tòa, ông Thành khai: Ông yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà T và ông P phải liên đới trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh các khoản nợ như sau:

- Số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 16/02/2023 là 539.767 đồng (Có bảng tính lãi kèm theo).

- Số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 16/02/2023 là 5.626.774 đồng (Có bảng tính lãi kèm theo).

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc P không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Ngày 26/10/2016, ngân hàng Chính sách Xã hội- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh ký 01 hợp đồng cho vay số 6600000708812664 với người vay là vợ chồng bà Trần Thị T, ông Phan Quốc P theo chương trình cho vay khoan giếng nước, xây hố xí, với số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Ngày 27/9/2018, ngân hàng Chính sách Xã hội- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh ký 01 hợp đồng cho vay số 6600000713771166 với người vay là

vợ chồng bà Trần Thị T, ông Phan Quốc P theo chương trình cho vay mua bò giống với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Lãi suất theo hợp đồng 02 bên thống nhất là 9%/năm, lãi quá hạn là 130% của lãi trong hạn. Sau khi vay vợ chồng bà T và ông P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối ngân hàng. Vì vậy, đại diện cho nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà T và ông P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội- phòng giao dịch NHCSXH huyện Đức Linh các khoản nợ gốc và lãi theo các hợp đồng vay số 6600000708812664 ngày 26/10/2016 và hợp đồng vay số 6600000713771166 ngày 27/9/2018 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc P nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh lập ngày 09/12/2022 (bút lục số 33) có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bà T và ông P là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A, đường số B, tổ C, thôn D, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai người đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa, thấy rằng: Bị đơn bà

Trần Thị T có vay của nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo khế ước vay vốn số 6600000708812664 ngày 26/10/2016, đã trả được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), hiện còn nợ lại số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo khế ước vay tiền số 6600000713771166 ngày 27/9/2018 nhưng chưa trả nợ là thực tế. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngân hàng Chính sách Xã hội- Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đức Linh tổng số tiền của 02 khoản vay là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[2.3] Xét về tiền lãi: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

- Đối với khoản tiền nợ vay còn lại 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) thì bà T chỉ trả được tiền lãi trong hạn là 5.110.733 đồng. Tiền lãi trong hạn, quá hạn còn phải trả tạm tính đến ngày 16/02/2023 là 539.767 đồng.

- Đối với khoản tiền nợ vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì bà T chỉ trả được tiền lãi trong hạn là 10.413.226 đồng. Tiền lãi trong hạn, quá hạn còn phải trả tạm tính đến ngày 16/02/2023 là 5.626.774 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trong hạn, quá hạn của 02 khoản vay tạm tính đến ngày 16/02/2023 nêu trên là là có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ trong hạn, quá hạn theo các khế ước vay vốn đã ký kết, kể từ ngày 17/02/2023 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Xét thấy, căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì yêu cầu này là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ mục đích vay tiền của các khế ước vay vốn, thể hiện: Vay theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường và theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Xét thấy, bà T sử dụng số tiền vay để sản xuất kinh doanh là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hơn nữa, bà T vay số tiền trên là được sự ủy quyền của của ông Phan Quốc P (bút lục số 03, 04). Do đó, cần áp dụng Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông P phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên là phù hợp pháp luật.

Từ những nhận định trên, buộc bà T và ông P phải liên đới trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội- Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đức Linh tổng số tiền nợ vay là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) và tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 16/02/2023 là 6.166.541 đồng là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, được quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà T và ông P phải liên đới chịu toàn bộ án phí DSST trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Trần Thị T và ông Phan Quốc P phải liên đới trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội- Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đức Linh số tiền là 55.166.541 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 49.000.000 đồng và tiền lãi là 6.166.541 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi tạm tính đến ngày 16/02/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, thì bà T và ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ vay chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các khế ước vay vốn đã ký kết số 6600000708812664 ngày 26/10/2016 và số 6600000713771166 ngày 27/9/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí: Buộc bà Trần Thị T và ông Phan Quốc P phải liên đới chịu số tiền 2.758.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Ngân hàng Chính sách Xã hội- Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đức Linh không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/02/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận